

CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

T n c n g t v i t b n g t i n g V i t : C N G T Y C P H N T R U Y N T H N G V
C N G N G H W I N V I T N A M

Tên công ty tiếng Anh: VIET NAM WIN TECHNOLOGY AND COMMUNICATION JOINT STOCK COMPANY

T n c ng t vi t t t: WINTVIETNAM

2. Mã số doanh nghiệp: 0108988515

3. Ngày thành lập: 14/11/2019

4. Địa chỉ trụ sở chính:

T ng 11, T a th p VCCI, ng o Du Anh, Ph ng Ph ng Mai, Qu n ng a,
Th nh ph H N i, Vi t Nam

Fax:

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Sao chép bản ghi cá nhân	1820
2.	Điều dưỡng, y tá, hộ sinh	4610
3.	Bác sĩ đa khoa, lâm sàng, nội khoa (trẻ, trẻ, trẻ) và vết thương Chi tiết: Bác sĩ đa khoa, vết thương cá nhân; Bác sĩ đa khoa; Bác sĩ vết thương (trẻ, trẻ, trẻ) (trẻ, trẻ); Bác sĩ đa khoa và vết thương cá nhân cho gia súc, gia cầm và thú nuôi; Bác sĩ đa khoa, lâm sàng, nội liệu khác (trẻ, trẻ, trẻ);	4620
4.	Bác sĩ đa khoa Chi tiết: Bác sĩ đa khoa và vết thương cá nhân; Bác sĩ đa khoa, quá; Bác sĩ đa khoa, vết thương cá nhân, vết thương cá nhân và vết thương cá nhân; Kinh doanh thực phẩm chế biến.	4632
5.	Bác sĩ đa khoa, thị trấn, thị trấn và vết thương cá nhân	4651
6.	Bác sĩ đa khoa và vết thương cá nhân, vết thương cá nhân	4652
7.	Bác sĩ đa khoa	4690
8.	Bác sĩ đa khoa, vết thương cá nhân, vết thương cá nhân và vết thương cá nhân cá nhân Chi tiết: Bác sĩ đa khoa và vết thương cá nhân; Bác sĩ đa khoa, Bác sĩ đa khoa, vết thương cá nhân và vết thương cá nhân và vết thương cá nhân; hàng chuyên doanh;	4772
9.	Hộ trợ hộ gia đình	5912
10.	Hộ trợ ghi chép và xuất bản nhân văn - Chi tiết: Hộ trợ ghi chép (trẻ, trẻ, trẻ)	5920

11.	Ho t ng vi n th ng kh c - Chi ti t: D ch v k t n i Internet; D ch v tru nh p internet; D ch v tru n h nh nh.	6190
12.	Ho t ng d ch v c ng ngh th ng tin v d ch v kh c li n quan n m vi t nh	6209
13.	X l d li u, cho thu v c cho t ng li n quan (Tr ho t ng cung c p h t ng th ng tin cho thu)	6311
14.	C ng th ng tin - Chi ti t: Thi t l p m ng x h i; Thi t l p trang th ng tin i n t t ng h p	6312(Chính)
15.	Qu ng c o	7310
16.	Ho t ng nhi p nh	7420
17.	Ho t ng chu n m n, khoa h c v c ng ngh kh c ch a c ph n v o u Chi ti t: T v n chu n giao c ng ngh	7490
18.	Cho thu m m c, thi t b v d ng h u h nh kh c kh ng k m ng i i u khi n	7730
19.	i u h nh tua du l ch	7912
20.	i l du l ch	7911
21.	D ch v t ch v c c d ch v h tr li n quan n qu ng b v t ch c tua du l ch	7990
22.	T ch c gi i thi u v x c ti n th ng m i Chi ti t: T ch c s ki n (tr h p b o)	8230
23.	Ho t ng d ch v h tr kinh doanh kh c c n l i ch a c ph n v o u Chi ti t: Xu t nh p kh u c c m t h ng c ng t kinh doanh (tr v ng, r c th i, ph li u). i v i c c ng nh kinh doanh c i u ki n, Doanh nghi p ch kinh doanh kh c i u ki n theo qu nh c a ph p lu t)	8299
24.	Ho t ng s ng t c, ngh thu t v gi i tr (Tr ho t ng c a c c Nh B o)	9000
25.	Ho t ng vui ch i gi i tr kh c ch a c ph n v o u Chi ti t: Cung c p d ch v tr ch i i n t tr n m ng	9329
26.	T v n, m i gi i, u gi b t ng s n, u gi qu n s d ng t Chi ti t: T v n, m i gi i b t ng s n (i v i ng nh ngh kinh doanh c i u ki n, doanh nghi p ch ho t ng khi c i u ki n kinh doanh theo qu nh c a ph p lu t)	6820

6. Vốn điều lệ: 2.000.000.000 VNĐ

M nh gi c ph n:

7. Số cổ phần được quyền chào bán:

8. Cổ đông sáng lập:

STT	Tên cổ đông	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập	Ghi chú
1	D NG QUANG HUY	S 5, Nh M2, Ph ng B ch Khoa, Qu n Hai B Tr ng, Th nh ph H N i, Vi t Nam	C ph n ph thông	130.000	1.300.000.000	65,000	001083011688	
			C ph n u i bi u qu t	0	0	0,000		
			C ph n u i c t c	0	0	0,000		
			C ph n u i ho n l i	0	0	0,000		
			C c c ph n u i kh c	0	0	0,000		
			T ng s	130.000	1.300.000.000	65,000		
2	NGUY N TRUNG ANH	220, Ph ng Ph Hu , Qu n Hai B Tr ng, Th nh ph H N i, Vi t Nam	C ph n ph thông	60.000	600.000.000	30,000	001089010930	
			C ph n u i bi u qu t	0	0	0,000		
			C ph n u i c t c	0	0	0,000		
			C ph n u i ho n l i	0	0	0,000		
			C c c ph n u i kh c	0	0	0,000		
			T ng s	60.000	600.000.000	30,000		

3	D NG MINH ANH	5M2 TT m a ch t, Ph ng B ch Khoa, Qu n Hai B Tr ng, Th nh ph H N i, Vi t Nam	C ph n ph thông	10.000	100.000.000	5,000	0010890193 44
			C ph n u i bi u qu t	0	0	0,000	
			C ph n u i c t c	0	0	0,000	
			C ph n u i ho n l i	0	0	0,000	
			C c c ph n u i kh c	0	0	0,000	
			T ng s	10.000	100.000.000	5,000	

9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

STT	Tên cổ đông	Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có)	Tỷ lệ (%)	Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức	Ghi chú

10. Người đại diện theo pháp luật:

* H v t n: D NG QUANG HUY

Gi i t nh: Nam

Ch c danh: Giám đốc

Sinh ngày: 17/06/1983

D n t c: Kinh

Qu c t ch: Việt Nam

Lo i gi t ch ng th c c nh n: Chứng minh nhân dân

S gi ch ng th c c nh n: 001083011688

Ng c p: 22/10/2015

N i c p: Cục Cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư

N i ng k h kh u th ng tr : Số 5, Nhà M2, Phường Bách Khoa, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Ch hi n t i: Số 5, Nhà M2, Phường Bách Khoa, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

11. Nơi đăng ký: Ph ng ng k kinh doanh Th nh ph H N i